

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-PT

Ngày 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Thịnh

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thảo

Ông Nguyễn Đức Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 40/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Bùi Văn P và Tạ Minh D2 do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị L1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1991 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị M; có vợ Ngô Thị Hà T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

2. Tô Văn C, sinh năm 1990 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm ..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn C và bà Phạm Thị M; có vợ Trần Thị L1 và 01 con; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2012/HSST ngày 28/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt Tô Văn C 06 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng về tội “Chống người thi hành công vụ” đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

3. Bùi Văn P, sinh năm 1990 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm ..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị T; có vợ Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

4. Tạ Minh D2, sinh năm 1968 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm ..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Ngọc H và bà Phạm Thị H; có vợ Phạm Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Các bị cáo không kháng cáo:

5. Phạm Văn Q, sinh năm 1988 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị T; có vợ Nguyễn Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

6. Lê Văn K1, sinh năm 1992 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn M và bà Hoàng Thị H; có vợ Nguyễn Thị L và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/6/2014 bị Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” đến nay chưa chấp hành; ngày 09/8/2014 bị Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” đến nay chưa chấp hành; nhân thân:

- Ngày 11/10/2014 bị Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 28/11/2014 bị Công an phường B, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 01/6/2017 bị Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 4.000.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”; bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

7. Nguyễn Thanh X, sinh năm 1991 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm ..., xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Q; có vợ Ngô Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến D1 theo yêu cầu:* Ông Nguyễn Đình G - Luật sư văn phòng luật sư Đình G và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 120A/254 M, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:* Chị Trần Thị L1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm ..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Ngoài ra trong vụ án có 01 người bị hại; 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 01/10/2019 sau khi đánh bạc xong, Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Bùi Văn P, Lê Văn K1, Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh X ngồi uống nước tại cổng thuộc địa phận xóm ..., xã Khánh T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nói chuyện với nhau về việc bị thua tiền và cho rằng H và bạn của H đã dùng thủ đoạn gian dối để thắng bạc nên tất cả cùng thống nhất đến sáng gọi H để nói chuyện về việc này.

Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày D2, C, Q, D1, K1 ngồi ăn sáng tại quán

của gia đình anh T ở xóm ..., xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. K1 đã dùng điện thoại di động gọi điện cho H1 đến để nói chuyện. Khi H1 đến các đối tượng nói H1 đưa hai người bạn ở tỉnh Nam Định đến dùng thủ đoạn gian dối nên thắng bạc và yêu cầu H1 gọi hai người đó về nếu không H1 phải trả toàn bộ số tiền các đối tượng đã thua bạc. H1 gọi điện thoại cho bạn nhưng không có người nghe máy nên các đối tượng yêu cầu H phải đi theo cho đến khi các đối tượng lấy được tiền thua bạc. D2, C, Q, D1, K1 đã đưa H1 đến quán Karaoke Đ ở xóm ..., xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.... chở H1 ngồi giữa Q ngồi sau để H1 không thể bỏ chạy. Tại quán Karaoke Đ các đối tượng tiếp tục tra khảo, chửi H1 về việc đánh bạc gian lận. H1 nói H2 cũng biết các đối tượng đánh bạc gian lận nên các đối tượng lại đưa H1 đến lều coi vịt nơi các đối tượng đã ngồi đánh bạc để gặp H2. C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.... chở H1 ngồi giữa Q ngồi phía sau; D2, D1 và K1 cũng đi bằng hai xe mô tô khác nhau đến lều vịt; P cũng liên lạc điện thoại với Q rồi đi xe mô tô đến lều vịt với mục đích đòi H1 số tiền đã thua bạc.

Tại lều vịt K1 chửi H1 về việc đưa người đến đánh bạc gian dối và dùng tay tát 02 cái vào má trái của H1. Khi H2 đến lều vịt thì các đối tượng yêu cầu H2 nói về việc H1 cùng 02 người bạn của H1 và H2 gian dối trong quá trình đánh bạc nhưng H1 không thừa nhận. Lúc đó H1 không nói gì, thấy vậy Q, C, D1 đã lao vào dùng tay, chân đấm đá vào người H1 và yêu cầu H1 phải trả lại tiền mà các đối tượng đã thua khi đánh bạc. H2 can ngăn và bảo các đối tượng đừng đánh H1. Q cũng liên lạc được với X đến để lấy tiền nhưng X bận việc nên không đến được.

Khoảng 11 giờ cùng ngày P liên lạc với Q rồi đi xe mô tô đến lều vịt với mục đích để đòi tiền của H1. Tại lều vịt Q, D1, C chửi đe dọa H1 rồi ép H1 viết giấy vay nợ. Q bảo P đi mua giấy, bút, P gọi điện thoại nhờ anh H3 mua hộ sổ, bút và thuốc lá mang đến. Khoảng hơn 11 giờ thì anh H3 mang giấy, bút đến lều vịt. Sau đó Q, D1, C và những người trong nhóm tiếp tục chửi, đòi tiền và bắt H1 viết giấy vay nợ số tiền thua bạc của nhóm này thì H2 nói “anh em từ từ giải quyết sao phải viết giấy vay nợ”, H1 sợ hãi nên buộc phải viết. D1 đưa giấy bút cho H1 rồi nói “viết thế này có vấn đề gì không?” nhưng H1 không nói gì. D1 và Q đọc cho H1 viết số tiền nợ của từng người, khi đến ai thì người đó đọc số tiền để H1 ghi vào giấy nợ, cụ thể ghi “vay nợ của anh D1 40 triệu, Q 60 triệu, X 20 triệu, C 20 triệu, P 5 triệu, chú D2 15 triệu”. Sau đó D2, H3 và P ra về còn Q, D1, C, K1 yêu cầu H1 phải đi ra quán Karaoke Đ nói chuyện. D1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B-616... chở H1 ngồi giữa, Q ngồi sau còn K1 và C đi xe mô tô biển kiểm soát 35B2-

353.... Đến quán Đ thì D1, C, Q, K1 yêu cầu H1 vào một phòng hát Karaoke ở tầng 2 rồi yêu cầu H1 gọi điện vay tiền trả cho các đối tượng, trong đó có khoản tiền 30.000.000 đồng H1 đã mượn của K1 và tổng số tiền các đối tượng đã yêu cầu H1 viết giấy vay nợ. Lúc này X liên lạc điện thoại với Q rồi đi xe mô tô đến quán Karaoke Đ, D1 đưa cho X tờ giấy vay nợ H1 viết. Q nói với X “mày thua 20.000.000 đồng, thằng H1 nhận đánh bạc bịp bọn tao bắt nó ghi trong giấy vay nợ”, X đồng ý và bỏ giấy vay nợ vào túi quần. Q, D1, C tiếp tục chửi H1, Q dùng tay tát H1 yêu cầu H1 gọi điện thoại cho gia đình lấy tiền trả cho họ. H1 điện thoại cho mẹ đẻ là bà K2 để lấy tiền nhưng không được, nhóm này tiếp tục chửi không cho H1 đi đâu. Sau đó K1 rời khỏi quán đi chơi còn Q, D1, C và X cùng H1 đến quán S ở xóm .., xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để ăn cơm. Sau khi ăn xong các đối tượng lại gặp K1 và thống nhất đưa H1 quay lại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để gặp H2 và D2 với mục đích nói chuyện với H2 và D2 về việc cùng H1 đánh bạc bịp nếu H2 và D2 thừa nhận thì sẽ yêu cầu phải cùng H1 trả số tiền mà nhóm này đã thua bạc. K1 và X đi tìm D2 còn Q, D1, C và H1 đi tìm H2 nhưng không gặp. Các đối tượng đưa anh H1 quay lại Karaoke Đ; Q, D1, C, K1, X tiếp tục yêu cầu H1 điện thoại cho người thân để lấy tiền nhưng không được cả nhóm thống nhất đưa H1 về nhà H1 để H1 vay tiền của mẹ đẻ H1 là bà K2 trả cho nhóm này.

Khoảng 14 giờ cùng ngày C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.... chở H1 còn X, D1, Q, K1 đi bằng 02 xe mô tô khác đến nhà H1. Tại nhà H1 khi H1 hỏi vay tiền nhưng bà K2 không có tiền đưa cho H1 thì nhóm này bảo bà K2 viết giấy nhận nợ cho H1, bà K2 không viết vì cho rằng H1 nợ tiền thì cứ đòi tiền của H1 không liên quan đến bà K2. Sau đó X rời khỏi nhà bà K2 đi về trước đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Q, C, K1, D1 tiếp tục đưa H1 rời khỏi nhà bà K2 về nhà Q tại xóm ..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Tại nhà Q thì H1 đã trả tiền thông qua chuyển khoản ngân hàng với số tiền 18.000.000 đồng và trả trực tiếp 2.000.000 đồng cho K1. K1, Q, C, D1 tiếp tục trông coi không để cho H1 đi đâu. Sau đó P đến nhà Q bảo về nhà P ăn cơm cả nhóm đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày C, K1, Q, D1 điều khiển xe mô tô chở H1 đến nhà P ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong C, K1, Q, D1, P tiếp tục đi xe mô tô đưa H1 đến Karaoke Đ và anh H3 đã đến ngồi cùng nhóm này. Sau đó các đối tượng lại đưa H1 đến quán của anh L2 ở M, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để H1 lấy tiền trả cho nhóm của Q, D1. Khi đến nơi H3 đi mua thuốc lá lúc H3 quay lại thì thấy H1 không lấy được tiền nên các đối tượng bảo đi về. Khi H1 đi ra ngoài thì H3 bảo H1 ngồi lên xe mô tô của H3 để H3 chở H1 về vì sợ các đối tượng đánh H1 trên đường về xã K thì H3 nói với Hậu

“hay anh chờ mày về nhà anh nhé”, H1 nói “thôi đừng, không về được đâu không họ lại đánh” nên H3 tiếp tục chờ H1 đi cùng nhóm Q, D1 đến khu vực cổng xóm ..., xã K. Tại đây H1 xin về để lo tiền trả, H3 bảo “để cho nó về” nhưng các đối tượng không đồng ý cho H1 về, Q tiếp tục yêu cầu H1 gọi điện thoại vay tiền trả nhưng H1 không vay được nên Q đã tát vào mặt H1 thì H3, C, K1, P cùng một số người can ngăn nên Q không đánh H1 nữa. Khoảng 23 giờ cùng ngày H3 đi về thì P nhờ H3 chở P và H1 về nhà P ngủ vì cùng đường về nhà với P nên H3 đã chở P và H1 về cổng nhà P thì P và H1 xuống xe còn H3 về nhà H3.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 02/10/2019, C, D1, Q đến nhà P yêu cầu H1 gọi điện thoại để vay tiền trả nhưng H1 không vay được nên Q đã tát 01 cái vào mặt H1 rồi C điều khiển xe mô tô chở H1 còn Q và D1 đi xe mô tô khác đến quán cà phê tại khu vực Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Cả ba người tiếp tục bắt H1 gọi điện thoại cho gia đình, bạn bè vay tiền trả cho họ. Khoảng 09 giờ cùng ngày K1 cũng đến quán cà phê yêu cầu H1 trả số tiền 10.000.000 đồng còn lại thì H1 chuyển tiền qua tài khoản số tiền 9.800.000 đồng và nói với K1 là đã chuyển số tiền này cho K1 (đây là số tiền H1 vay K1 để đánh bạc). Khoảng 11 giờ cùng ngày C điều khiển xe mô tô chở H1 còn D1, Q, K1 đi xe mô tô khác về xã T trên đường đi xe của C bị thùng sấm Q tức giận thúc đầu gối chân vào miệng của H1 và bắt H1 phải kiểm tiền trả cho nhóm này, H1 đã quỳ xuống xin Q. Cả nhóm tiếp tục đưa Hậu đến quán H ở xóm ..., xã T để ăn cơm. Tại đây H1 nhờ K1 nói với nhóm Q, D1 cho H1 về để lo tiền vài ngày sau sẽ trả nhưng K1 không đồng ý và bảo H1 lo tiền để trả cho nhóm của Q, D1. H1 vẫn tiếp tục nhờ K1 nên K1 cầm dép đang đi ở chân ném Hậu nhưng không trúng. Q tát vào mặt H1 và cầm một đĩa sứ đập vào đầu H1 nhưng H1 giờ tay đỡ được. D1 tát vào mặt H1 và cầm chiếc cốc nhựa đập vào mặt H1. Sau đó K1 ra về còn Q, C, D1 và X tiếp tục ở lại quán đến khi Công an đến làm việc vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C và Bùi Văn P phạm các tội “Cướp tài sản và Giữ người trái pháp luật”. Bị cáo Tạ Minh D2 phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Tô Văn C 07 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 08 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm

giam 04/10/2019.

Bị cáo Nguyễn Tiến D1 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

Bị cáo Bùi Văn P 07 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Tạ Minh D2 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.... và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị L1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên tội danh “Cướp tài sản và Giữ người trái pháp luật” với mức hình phạt từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 09 tháng tù đối với các bị cáo Phạm Văn Q; Lê Văn K; Nguyễn Thanh X; biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 10, 11 và 19 tháng 8 năm 2020 các bị cáo Bùi Văn P, Tạ Minh D2, Nguyễn Tiến D1 và Tô Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị L1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm trả lại cho chị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.... và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị L1 cho chị.

Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo với lý do mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo là quá nặng. Chị Trần Thị L1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo với lý do nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là của chị do bố mẹ đẻ chị cho chị 26 triệu đồng, số tiền còn lại chị lao động tích góp mà có. Mặc dù khi mua xe mô tô trên chị và bị cáo C là vợ chồng nhưng bị cáo C không góp tiền để mua xe việc bị cáo C sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội chị không biết.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến D1 có quan điểm: Bản án sơ thẩm

đã xét xử bị cáo về các tội “Cướp tài sản và Giữ người trái pháp luật” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo do bị cáo nhất thời phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bản thân thường xuyên đau ốm, mẹ bị cáo bị bệnh ung thư ác tính có xác nhận của chính quyền địa phương, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đã nhận tiền bồi thường của bị cáo và các bị cáo khác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Tạ Minh D2, Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị L1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với các bị cáo và xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Tiến D1 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 37 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

+ Bị cáo Tô Văn C 07 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 năm 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 39 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày

14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

+ Bị cáo Bùi Văn P 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 năm 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 36 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Tạ Minh D2 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 39 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

- Trả lại cho chị Trần Thị L1 xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.72 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Lương.

Các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Tạ Minh D2, Bùi Văn P và chị Trần Thị L1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Tạ Minh D2; Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị L1 làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Tạ Minh D2 và Bùi Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã

thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 01/10/2019 xuất phát từ việc đánh bạc trái phép bị thua nên D2, X, C, P, Q, D1, K1 cho rằng H1 và bạn của Hậu đã gian dối để thắng bạc tất cả thống nhất gọi H1 ra để nói chuyện. Khoảng 07 giờ 30 phút, K1 điện thoại gọi H1 đến, khi H1 đến D1, C, Q, D1, K1 yêu cầu H1 gọi hai người bạn của H1 về nếu không H1 phải trả toàn bộ số tiền các đối tượng đã thua bạc. H1 gọi điện thoại cho bạn nhưng không được nên các đối tượng đưa H1 đến quán Karaoke Đ rồi đến lều vệt nơi các đối tượng đánh bạc tra khảo, chửi và đánh H1 yêu cầu H1 phải trả lại tiền mà các đối tượng đã thua bạc. Khoảng 11 giờ P đến lều vệt để đòi tiền của H1, các đối tượng ép H1 viết giấy vay nợ, do lo sợ nên H1 đã viết giấy vay nợ “vay của anh D1 40 triệu, Q 60 triệu, X 20 triệu, C 20 triệu, P 5 triệu, chú D2 15 triệu”. Sau đó D2, H3 và P ra về, Q, D1, C, K1 đưa H1 trở lại quán Đ bắt H1 gọi điện thoại vay tiền trả cho các đối tượng trong đó có cả khoản tiền 30.000.000 đồng H1 đã vay của K1 trước đó. Lúc này X đến quán Đ, D1 đưa cho X tờ giấy vay nợ H viết, Q nói với X “mày thua 20.000.000 đồng, thằng H1 nhận đánh bạc bịp bọn tao bắt nó ghi trong giấy vay nợ” X đồng ý và bỏ giấy vay nợ vào túi quần. Q, D1, C, K1, X tiếp tục chửi và yêu cầu H1 gọi điện thoại cho gia đình lấy tiền trả cho họ nhưng không được. Khoảng 14 giờ C, X, D1, Q, K1 đưa H1 về nhà H1 để H1 vay tiền mẹ để là bà K2 nhưng không có tiền nên X đi về trước đến khoảng 15 giờ cùng ngày Q, C, K1, D1 đưa H1 về nhà Q tại xóm ..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Khi đến nhà Q thì H1 đã trả tiền cho K1 với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ 30 phút thì C, K1, Q, D1 đưa H1 đến quán Đ và đến quán của anh L2 ở Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để H1 lấy tiền nhưng cũng không lấy được tiền đến khoảng 23 giờ ngày 01/10/2019 thì C, Q, D1 đưa H1 về nhà P ngủ. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 02/10/2019, C, Q, D1 đến nhà P yêu cầu Hậu gọi điện thoại để vay tiền nhưng Hậu không vay được nên Quang đã tát Hậu rồi tất cả đưa Hậu đến quán cà phê ở khu vực Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. C, D1, Q tiếp tục bắt H1 gọi điện thoại vay tiền trả cho họ. Khoảng 09 giờ K1 đến quán cà phê yêu cầu H1 trả số tiền 10.000.000 đồng còn lại thì H1 chuyển tiền qua tài khoản số tiền 9.800.000 đồng cho K1. Khoảng 11 giờ cùng ngày thì C, D1, Q, K1 đưa H1 đến quán H ở xóm ..., xã T, huyện Y tại đây H1 nhờ K1 nói với nhóm của Q, D1 cho H1 về để lo tiền vài ngày sau sẽ trả nhưng K1 không đồng ý và cầm dép ném H1, Q tát vào mặt H1 và cầm đĩa sứ đập vào đầu H1 nhưng H1 giơ tay đỡ được. D1 tát vào mặt H1 và cầm chiếc cốc nhựa đập vào đầu H1. Sau đó K1 ra về còn C, D1, Q, X tiếp tục ở lại quán đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì Công an đến làm

việc. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử về các tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Bùi Văn P và Tạ Minh D2, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất vụ án, nhân thân của các bị cáo, đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá đúng vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định mức hình phạt theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù anh Đỗ Văn H1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường tổn hại sức khỏe và tinh thần do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra cho anh H1, nhưng cả 7 bị cáo vẫn tích cực tác động tới gia đình đến bồi thường cho anh H1 thông qua gia đình người bị hại số tiền 14.000.000 đồng. Ngày 27 tháng 9 năm 2020 người bị hại anh Đỗ Văn H1 có đơn đề nghị có xác nhận của Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình trong đơn thể hiện nội dung do bị cáo đang bị tạm giam không thể nhận tiền bồi thường của các gia bị cáo D1, C, D2, P, K1, X và Q nên ở nhà mẹ đẻ của anh là bà Ngô Thị K2 đã nhận thay anh số tiền trên đồng thời anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo (kể cả các bị cáo không có kháng cáo). Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Ngô Thị K2 cũng có đơn đề nghị gửi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình có xác nhận của chính quyền địa phương bà đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo; các bị cáo Nguyễn Tiến D1 và Tạ Minh D2 có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, các con còn nhỏ, mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Tiến D1 bị bệnh ung thư ác tính đang điều trị tại Bệnh viện K-Tân Triều, Hà Nội, bản thân bị cáo D1 thường xuyên đau ốm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới xuất hiện tại cấp phúc thẩm được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án còn có các bị cáo Phạm Văn Q, Lê Văn K1 và Nguyễn Thanh X mặc dù các bị cáo trên không kháng cáo nhưng Hội đồng xét xử xét thấy tất cả các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” đều xuất phát từ nguyên nhân các bị cáo cho rằng bị hại anh Đỗ Văn H1 đánh bạc bịp nên đã giữ người và đánh bị hại, bắt bị hại viết giấy biên nhận về số tiền các bị cáo đã bị thua

bạc, các bị cáo chưa gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại. Các bị cáo Q, K1, X cũng tích cực tác động tới gia đình đến bồi thường cho anh H1 thông qua gia đình bị hại, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị hại vẫn tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Căn cứ tính chất, mức độ tội phạm và quy định tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt về tội “Cướp tài sản” cho tất cả các bị cáo trong đó có 04 bị cáo có kháng cáo và 03 bị cáo không có kháng cáo để đảm bảo sự công bằng của pháp luật và thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước. Các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Bùi Văn P, Tạ Minh D2 và Nguyễn Thanh X có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bản án bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã có hiệu lực pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt đã tuyên của bản án bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị xin lại tài sản là chiếc xe mô tô cùng đăng ký chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.... mang tên Trần Thị L1. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị L1 trình bày tuy chị và bị cáo Tô Văn C là vợ chồng nhưng bị cáo C thường xuyên vắng nhà không quan tâm đến vợ, con. Năm 2017 chị mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.... với giá là 67.000.000 đồng trong đó bố đẻ chị là ông Trần Văn O cho chị số tiền 26.000.000 đồng số tiền 40.000.000 còn lại do chị tích góp được mà có, bị cáo C không đóng góp gì vào việc chị mua chiếc xe mô tô trên. Trước ngày 04/10/2019 chị đi làm và để xe ở nhà cùng chìa khóa xe nên bị cáo Cảnh sử dụng chiếc xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản và Giữ người trái pháp luật” chị không biết. Tại phiên tòa bị cáo Tô Văn C thừa nhận lời khai của chị Trần Thị L1 là đúng. Bị cáo thừa nhận trong các ngày 01, 02/10/2019 bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô trên để chở H1 do chị L1 đi làm vắng nhà nên không biết việc làm của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353....

được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L1 và bị cáo Tô Văn C. Tại phiên tòa bị cáo C và chị L1 đều xác định bị cáo C không đóng góp tiền vào việc mua xe của chị L1. Mặt khác việc bị cáo Tô Văn C sử dụng chiếc xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản và Giữ người trái pháp luật” chị L1 không biết và không có lỗi. Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị L1 trả lại cho chị Trần Thị L1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353.72 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị L1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được chấp nhận nên các bị cáo và chị Lương không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Tạ Minh D2; Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị L1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về hình phạt tù; về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 (đối với tội “Cướp tài sản” trừ bị cáo Phạm Văn Q, Lê Văn K1); điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Bùi Văn P, Lê Văn K1, Phạm Văn Q và Nguyễn Thanh X.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tạ Minh D2.

Căn cứ điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

1.1. Bị cáo **Nguyễn Tiến D1** 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 37 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

1.2. Bị cáo **Tô Văn C** 06 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 năm 03 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 39 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

1.3. Bị cáo **Bùi Văn P** 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 06 năm 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 36 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

1.4. Bị cáo **Tạ Minh D2** 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 39 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HS-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

1.5. Bị cáo **Phạm Văn Q** 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 08 năm 03 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này

với hình phạt 39 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

1.6. Bị cáo **Lê Văn K1** 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 năm 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 13 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/11/2019.

1.7. Bị cáo **Nguyễn Thanh X** 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 37 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

2. Trả lại cho chị Trần Thị L1 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2-353....., nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu đỏ, đen (có chìa khóa xe) và một chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0872... tên chủ xe Trần Thị L1 (bản chính).

Chi tiết như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Tô Văn C, Tạ Minh D2, Bùi Văn P, Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh X, Lê Văn K1 và chị Trần Thị Lương không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/9/2020./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (1 bản);
 - TAND huyện Y (9 bản);
 - VKSND huyện Y (1 bản);
 - CA huyện Y (1 bản);
 - Chi cục THADS huyện Y (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Bị cáo (7 bản);
 - Trại tạm giam (7 bản);
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1 bản);
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản);
 - Lưu tòa (1 bản);
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Văn Thịnh